

Bản án số: 355/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2021/HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Đào Thị T*, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

- Bị đơn: *Anh Trần Tuấn A*, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Cùng HKTT và cư trú: Số nhà A ngõ B đường N, tổ C phường N, quận Long Biên, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A quen biết trên cơ sở mai mối giới thiệu của người thân, tìm hiểu một thời gian ngắn thì tổ chức cưới hỏi và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng gia đình chị T tại địa chỉ số nhà 85 ngõ 268 đường Ngọc Thụy, tổ 25 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc, thường xuyên xảy ra va chạm to tiếng khiến không khí gia đình căng thẳng và còn ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Tuấn A nghiện ma túy, không chăm lo làm ăn và vun đắp hạnh phúc vợ chồng nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị và

gia đình có tạo điều kiện khuyên bảo anh Tuấn A từ bỏ ma túy nhưng không được, anh Tuấn A thường xuyên bỏ nhà đi rồi lại quay về nhà nhưng việc ai người đó làm không quan tâm chăm sóc nhau. Khi chị và mẹ trao đổi khuyên bảo thì anh Tuấn A không hợp tác mà có thái độ không đúng mực nên hôn nhân rơi vào bế tắc. Tháng 2/2018 anh Tuấn A vi phạm pháp luật rồi bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, khi ra tù anh Tuấn A có về nhà sống nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh Tuấn A tiếp tục bỏ nhà đi rồi lại về. Chị T chỉ liên lạc được bằng điện thoại với anh Tuấn A, khi chị T trao đổi việc ly hôn thì anh Tuấn A không cho chị biết địa chỉ đang sinh sống hiện nay và anh Tuấn A cắt đứt liên lạc.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Không có và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Trần Tuấn A sinh sống thường xuyên và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số nhà 85 ngõ 268 đường Ngọc Thụy, tổ 25 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ngoài ra anh Tuấn A phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2018. Sau khi ra tù anh Tuấn A có về địa phương trình báo và sinh sống cùng chị T nhưng rồi cũng thi thoảng bỏ nhà đi, anh Tuấn A vắng mặt tại địa phương không khai báo với chính quyền.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chủ tọa phiên tòa công bố Đơn xin ly hôn, Bản tự khai của chị Đào Thị T, các biên bản lấy lời khai, Biên bản xác minh, biên bản trao đổi; Đơn xin xét xử vắng mặt của chị Đào Thị T; Thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Tuấn A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Đào Thị T có đơn xin xử vắng mặt; Anh Trần Tuấn A được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 227.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Thị T. Chị Đào Thị T được ly hôn anh Trần Tuấn A.
- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Trần Tuấn A có nơi cư trú cuối cùng là số nhà 85 ngõ 268 đường Ngọc Thụy, tổ 25 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội. Hiện anh Tuấn A vắng mặt tại nơi cư trú, anh Tuấn A thay đổi nơi trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Nguyên đơn là chị Đào Thị T có đơn xin xử vắng mặt; Bị đơn là anh Trần Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số 46 ngày 03/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nhưng đều tự khắc phục cho đến cuối năm 2019 khi anh Trần Tuấn A mãn hạn tù về nhà nhưng chỉ ở được một thời thì liên tục bỏ nhà đi rồi sau đó không thấy về nhà nữa. Ban đầu anh chị liên lạc với nhau bằng điện thoại nhưng sau khi chị T có đề nghị ly hôn thì mất liên lạc cho đến nay. Do anh Trần Tuấn A vắng mặt tại nơi cư trú nên tòa án nhân dân quận Long Biên đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng dưới hình thức niêm yết công khai để thông báo cho anh Trần Tuấn A được biết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A đã kéo dài trầm trọng. Mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị T . Chị Đào Thị T được ly hôn anh Trần Tuấn A .

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị Đào Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đào Thị T đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016963 ngày 17 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí.

Chị Đào Thị T và anh Trần Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Long Biên;
- Chi cục THADS Q.Long Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm Anh